TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/KDTM-PT
Ngày 31-12-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Bà Lương Thị Hải Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2020/KDTM-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGHN (viết tắt là S); địa chỉ trụ sở chính: Số 77 THĐ, phường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công V - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGHN (Văn bản ủy quyền số 30/UQ-TGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT (viết tắt là Công ty điện NT); địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng (số mới: Số 10 HVT, phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hách Văn C, chức vụ: Giám đốc Công ty (là người đại diện theo pháp luật); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV Đóng tàu NT (tên cũ: Công ty TNHH MTV Tổng công ty CNTT NT); địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng.,

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Văn K, chức vụ: Phó tổng giám đốc (theo Văn bản ủy quyền số 550a/UQ-TGĐ ngày 17/9/2018); có mặt

- *Người kháng cáo*: Công ty TNHH MTV Đóng tàu NT - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/9/2009, Ngân hàng TMCP NHN - Chi nhánh THNC (viết tắt là H), nay là Ngân hàng S và Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT (viết tắt là Công ty điện NT) cùng nhau tự nguyện thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) hạn mức số 0908THNC014/HĐTD-HM/2009, trên cơ sở đó, H đồng ý cho Công ty điện NT vay số tiền hạn mức tối đa là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) với các điều khoản như sau: Hạn mức tín dụng trong thời hạn là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi khoản giải ngân trong hạn mức 09 tháng; khi giải ngân có các giấy tờ nhận nợ kèm theo; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay 10,5%/năm; tài sản thế chấp không có tài sản đảm bảo. Trước khi H giải ngân khoản vay với Công ty điện NT, H nhận được cam kết bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT NT (nay là Công ty TNHH MTV Đóng tàu NT - viết tắt là Công ty NT) cam kết sẽ trả nợ thay cho Công ty điện NT để được H cấp vốn thông qua Hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH ngày 10/9/2009, phạm vi bảo lãnh tối đa là 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng, Hợp đồng bảo lãnh được ký ba bên giữa Công ty NT với H và Công ty điện NT. Các khoản vay của Công ty điện NT tại H không có tài sản thế chấp và đều được bảo lãnh trả nợ thay vô điều kiện của Công ty NT trên cơ sở của Hợp đồng bảo lãnh phạm vi bảo lãnh tối đa là 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng thông qua 10 lần giải ngân. Quá trình thực hiện HĐTD kể từ ngày vay đến ngày 03/4/2017, Công ty điện NT đã trả được cho H số tiền 62.000.000 (Sáu mươi hai triệu) đồng tiền gốc vay và 571.027.500 đồng tiền lãi, do Công ty điện NT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ tháng 8/2010, song Công ty NT cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Điện NT theo cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH ngày 10/9/2009 đã vi phạm nghiêm trọng cam kết về nghĩa vụ trả nợ vay. Tháng 8/2012,

H sát nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (S) theo đó, S tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của H. Tính đến ngày 24/3/2017, Công ty điện NT còn nợ S số tiền là 26.880.759.728 đồng, trong đó: nợ gốc vay là 9.808.224.016 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.830.911.577 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.241.624.135 đồng. S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty điện NT (Bên vay vốn) và Công ty NT (Bên ký Hợp đồng bảo lãnh) phải trả nợ cho S số tiền gốc và lãi nói trên. Tuy nhiên, S xét thấy Công ty điện NT và Công ty NT không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên trước khi Tòa án thụ lý vụ án S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc Công ty điện NT phải trả cho S toàn bộ số nợ gốc là 9.808.224.016 đồng, nếu Công ty điện NT không trả được thì Công ty NT là người bảo lãnh phải trả cho S số nợ trên, ngoài ra, S không còn yêu cầu, đề nghị gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Trên cơ sở thống nhất tự nguyện thỏa thuận giữa 3 bên, ngày 10/9/2009, Tổng công ty CNTT NT (nay là Công ty TNHH MTV Đóng tàu NT) đã ký hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH, bên bảo lãnh là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT NT, bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP NHN - Chi nhánh THNC (nay là S) và bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT. Được sự bảo lãnh của Tổng Công ty CNTT NT (nay là Công ty TNHH MTV đóng tàu NT), ngày 21/9/2009, H và Công ty điện NT cùng nhau tự nguyện thỏa thuận ký kết HĐTD hạn mức số 0908THNC014/HĐTD-HM/2009, trên cơ sở đó, H đồng ý cho Công ty điện NT vay số tiền hạn mức tối đa là 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng, Công ty điện NT thừa nhận số dư nợ gốc đến hiện tại là 9.908.224.016 đồng, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty Điện NT và khả năng tài chính hiện nay, xác định phần lớn khoản tiền vay của H dùng để thanh toán tiền mua vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình xây dựng cục bộ thuộc các dự án của Công ty NT và các đơn vị thành viên như công trình thi công hệ thống điện và điều hòa nhà khách số 02 theo Hợp đồng số 305/HĐKT-QLDA1, công trình thi công hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng phân xưởng phun sơn tổng đoạn, phân xưởng gia công chi tiết, công trình thi công hệ thống điện chống sét, khí nén của nhà lắp ráp di động…và thi công một số công trình như hệ thống điện, hệ thống nghi khí hàng hải cho các sản phẩm tàu đóng mới của công ty NT và chi trả lương cán bộ, công nhân viên giai đoạn từ 2008 - 2010. Cho tới thời điểm hiện nay, các công trình hệ thống điện và điều hòa không khí nhà khách số 02 và nhà văn hóa của Công ty NT đã được thi công xong, phía chủ đầu tư Công ty NT đã được đưa vào sử dụng thời gian gần được 10 năm nhưng chưa được nghiệm thu quyết toán được do chủ đầu tư và cũng chưa hoàn thiện hồ sơ thực hiện dự án (còn vướng mắc ở khâu thủ tục pháp lý đầu tư) nên chưa được thanh toán, các công trình còn lại thì trên thực tế Công ty điện NT đã tiến hành thi công dở dang, không thể tiếp tục được do Chủ đầu tư tạm dừng triển khai đầu tư

xây dựng cơ bản. Công ty điện NT đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Công ty NT hoàn thiện hồ sơ thủ tục để quyết toán các công trình đã hoàn thành và quyết toán giai đoạn điểm dừng đối với các công trình dở dang nhưng chưa nhận được hồi âm và chỉ đạo từ phía chủ đầu tư. Vì vậy, bị đơn đề nghị Tòa án triệu tập các bên đến hòa giải để đưa vụ việc giải quyết tốt nhất cho tất cả các bên. Công ty điện NT đồng ý thiện chí nhận trách nhiệm trả nợ cho H, nay là S số tiền nợ mà thực tế công ty sử dụng, tuy nhiên, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty NT (Bên bảo lãnh) không hợp tác thiện chí nên chưa giải quyết được, do vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Đối với Bản kết luận giám định do Công ty NT xuất trình tại Tòa án, Công ty điện NT không biết và không liên quan gì đến Công ty nên đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV đóng tàu NT trình bày:

Tổng công ty CNTT NT (nay là Công ty TNHH MTV đóng tàu NT) tại thời điểm năm 2009, ông Trần Quang Vũ giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH ngày 10/9/2009 với Ngân hàng TMCP NHN (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội) biện pháp bảo đảm bằng năng lực tài chính của mình cam kết bảo lãnh cho Công ty điện NT vay vốn tại Ngân hàng với hạn mức vay tối đa là 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng, việc ký hợp đồng bảo lãnh nói tên Công ty NT có ý kiến như sau: Đối chiếu với quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Tổng giám đốc tại Điều 27 Điều lệ (tạm thời) tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CNTT NT theo mô hình Công ty mẹ - con đã được Hội đồng quản trị tập đoàn CNTT Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 2482/QĐ-TCCB-LĐ ngày 08/8/2007 quy định: Tổng giám đốc Công ty không được quyền ký bảo lãnh cho Công ty thành viên được vay vốn tại Ngân hàng. Tương tự như vậy, vụ việc này, đối với Công ty Cổ phần vận tải và CNTT Bình Định (gọi tắt là Công ty Bình Định) ông Trần Quang Vũ - Tổng giám đốc Công ty NT cũng ký văn bản cam kết bảo lãnh cho Công ty Bình Định vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đã được Cơ quan an ninh điều tra tỉnh Bình Định trưng cầu giám định tại Ngân hàng Nhà nước, theo đó, tại văn bản ngày 09/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh tỉnh Bình Định về việc Kết luận giám định nội dung theo Kết luận giám định số 06/ANĐT ngày 12/12/2015 của Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh Bình Định đã kết luận: "Tổng giám đốc Tổng Công ty CNTT NT không có quyền ký phát hành văn bản cam kết bảo lãnh để bảo lãnh cho Công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng. Do vậy, văn bản cam kết bảo lãnh ngày 27/01/2008 do Tổng Giám đốc Công ty NT ký phát hành là không đúng quy định và không có giá trị pháp lý để buộc Tổng công ty CNTT NT thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết". Bởi lẽ trên, Tổng Công ty CNTT NT (nay là Công ty NT) nhận thấy rằng không có đầy đủ cơ sở pháp lý buộc Công ty NT phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH ngày 10/9/2009. Quá trình giải quyết vụ án,

ngày 18/02/2020 tại Tòa án, Công ty NT đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án và Quyết định trưng cầu giám định số 06/ANĐT ngày 12/12/2015 của Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh Bình Định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S yêu cầu Công ty NT phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho số nợ của Công ty điện NT.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2020/KDTM-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã căn cứ Điều 30, 35, 39, 91, 92, 93, 94, 96, 97, 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 280, khoản 1 Điều 281, 361, 362, 363, 366, 371 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 339 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 63, điểm b, c, e, l khoản 2 Điều 70 Luật Doanh nghiệp 2005; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S buộc bị đơn - Công ty Cổ phần điện NT phải thanh toán số tiền nợ gốc là 9.808.224.016 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Công ty Cổ phần Công nghệ Điện NT còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trường hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Chấp nhận yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trong trường hợp Công ty điện NT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho S thì Công ty NT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty điện NT số tiền theo quy định tại Hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH ngày 10/9/2009 nợ gốc là 9.808.224.016 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty điện NT còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trường hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Nội dung kháng cáo: Ngày 14/8/2020, Tòa án nhân dân huyện TN đã nhận được Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty NT. Theo đó, việc kháng cáo của Công ty NT trong hạn luật định và được xem xét, giải quyết. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm buộc Công ty NT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty điện NT số tiền 9.808.224.016 đồng là không có cơ sở và chưa đủ căn cứ pháp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giữ nguyên các lời trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và không cung cấp thêm các tài liệu gì mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty NT vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo vì theo Điều lệ của Công ty NT thì Tổng Giám đốc không có thẩm quyền được ký hợp đồng bảo lãnh. Mặt khác, theo Kết luận giám định ngày 09/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Bình Định đã kết luận Tổng giám đốc Công ty NT không có quyền ký phát hành văn bản cam kết bảo lãnh để bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, đề nghị xem xét thẩm quyền ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo lãnh của đại diện Ngân hàng; do đó, Hợp đồng bảo lãnh không có hiệu lực.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật nên được xem xét, giải quyết, cụ thể:

+ Đối với ý kiến về việc Công ty NT là Công ty 100% vốn nhà nước, là một cổ đông của Công ty điện NT (chiếm 57,1% vốn điều lệ) nên tại Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty thì không quy định việc Tổng Giám đốc công ty được quyền ký bảo lãnh cho Công ty thành viên được vay vốn tại Ngân hàng: Kiểm sát viên xét thấy ý kiến này không có căn cứ vì việc ký hợp đồng bảo lãnh thuộc trường hợp "Hợp đồng kinh tế khác" theo khoản 4 Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CNTT NT có quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc nên Tổng Giám đốc ký hợp đồng bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính tại quý gần nhất của Tổng Công ty thì đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định của điều lệ. Đối với yêu cầu

giám định lại hợp đồng bảo lãnh: Không có cơ sở chấp nhận bởi nội dung hợp đồng bảo lãnh là giao dịch dân sự không thuộc lĩnh vực giám định tư pháp về tiền tệ và ngân hàng nên việc đề nghị giám định là không phù hợp và không có cơ sở theo quy định của Luật giám định tư pháp.

Thứ hai, Công ty đóng tàu NT đề nghị Tòa án làm rõ chứng cứ về thẩm quyền ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh của ông Nguyễn Hoàng Phương là Giám đốc Ngân hàng TMCP NHN - chi nhánh TH-NC giai đoạn ký hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo lãn, ý kiến này không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: Tuy tài liệu nguyên đơn nộp cho Tòa án chưa có tài liệu thể hiện có việc ủy quyền cho giám đốc chi nhánh ngân hàng ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh giai đoạn 2009 nhưng Bộ luật Dân sự 2005 và Bộ luật Dân sự 2015 đều quy định về hậu quả của giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập hoặc thực hiện vượt quá phạm vi ủy quyền nhưng người đại diện sau đó không có ý kiến phản đối thì giao dịch dân sự vẫn phát sinh hiệu lực. Do đó, không cần thiết phải thu thập chứng cứ về thẩm quyền ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh của ông Nguyễn Hoàng Phương - Giám đốc Ngân hàng TMCP NHN - Chi nhánh THNC tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo lãnh.

Thứ ba, tại hợp đồng bảo lãnh, các bên thỏa thuận bảo lãnh bằng uy tín và năng lực tài chính của Công ty NT. Do đó, khi Công ty NT đã ký hợp đồng bảo lãnh thì phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng là đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên. Tỷ lệ hạn mức bảo lãnh (10 tỷ đồng) so với tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm gần nhất (theo Báo cáo tài chính tháng 12/2008 là 9.949.488.573.000đồng) là 0,1% < 10% theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến này của Công ty NT.

Ngoài ra, tổng số tiền theo các giấy nhận nợ mà Công ty điện NT đã nhận là 13.218.224.016 đồng, quá trình giải quyết, Ngân hàng S đều trình bày: Kể từ ngày vay đến ngày 03/4/2017, Công ty điện NT mới trả được 62.000.000 đồng tiền gốc vay và 571.027.500 đồng tiền lãi. Tại biên bản làm việc ngày 08/5/2014 thể hiện: Công ty điện NT và S đã xác nhận dư nợ gốc quá hạn đến hết ngày 30/4/2014 là 9.908.224.016 đồng. S trình bày: hiện không thể cung cấp được tài liệu nào khác có liên quan đến việc trả nợ của Công ty điện NT ngoài những tài liệu đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm. Kiểm sát viên xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn trả 9.808.224.016 đồng nợ gốc (Giảm 100.000.000 đồng so với dư nợ gốc Công ty Điện NT xác nhận tại thời điểm 30/4/2014) đảm bảo có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV đóng tàu NT, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, thể hiện ý kiến của mình gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3] Về thẩm quyền ký hợp đồng bảo lãnh: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH ngày 10/9/2009, bên bảo lãnh là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT NT do ông Trần Quang Vũ (Tổng giám đốc) làm người đại diện, bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP NHN - chi nhánh THNC do ông Nguyễn Hoàng Phương (Giám đốc chi nhánh) làm người đại diện theo ủy quyền và bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT do ông Hách Văn Cường (Giám đốc) làm người đại diện ký kết.

[4] Theo Điều lệ (tạm thời) của Công ty NT thì tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CNTT NT được Hội đồng quản trị Tập đoàn CNTT Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 2482/QĐ-TCCB-LĐ ngày 08/8/2007 có quy định: "Tập đoàn CNTT Việt Nam là chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT NT. Chủ tịch Tổng Công ty là đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại Tổng Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty". Ngày 18/4/2007, Chủ tịch tập đoàn CNTT Việt Nam đã ký Quyết định số 1063/CNT-TCCB-LĐ bổ nhiệm ông Trần Quang V giữ chức vụ Chủ tịch Tổng Công ty kiêm Tổng Giám đốc Công ty CNTT NT và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT NT.

[5] Theo điểm đ khoản 1 Điều 11 Điều lệ (tạm thời) của Công ty NT thể hiện: "Tổng Công ty thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết theo Quy chế quản lý tài chính của tập đoàn, của Tổng Công ty, theo Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan". Theo đó, tại Phần 2 Phụ lục II của Điều lệ (tạm thời) thể hiện Công ty Cổ phần Công nghiệp điện NT là Công ty con của Công ty NT (do Công ty NT nắm giữ

trên 50% vốn điều lệ). Tại khoản 4 Điều 27 Điều lệ (Tạm thời) của Công ty NT có quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc, cụ thể: "Quyết định các hợp đồng mua bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp thanh lý tài sản và hợp đồng kinh tế khác của Tổng Công ty có giá trị nhỏ hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính tại quý gần nhất của Tổng công ty…". Hợp đồng bảo lãnh là hợp đồng kinh tế khác, phạm vi bảo lãnh của Công ty NT là 10.000.000.000 đồng; theo Báo cáo tài chính năm 2008 (là thời điểm gần nhất các bên ký Hợp đồng tín dụng) do Công ty NT cung cấp thể hiện tổng tài sản của Công ty là 9.949.488.573.000 đồng; giá trị của Hợp đồng bảo lãnh là 0,1%<10%. Như vậy, Tổng giám đốc Công ty có quyền quyết định đối với Hợp đồng bảo lãnh này. Ngoài ra, theo Điều 64, 69, 70 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 361, 362, 363 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng thì ông Trần Quang Vũ là người đại diện theo pháp luật của Công ty có thẩm quyền để ký kết hợp đồng bảo lãnh. Mặt khác, tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo lãnh các bên đều thừa nhận cùng ký tên, đóng dấu trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên. Như vậy, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung này là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[6] Về yêu cầu xem xét Quyết định trưng cầu giám định số 06/ANĐT ngày 12/12/2015 của Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh Bình Định và Kết luận giám định ngày 09/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – chi nhánh tỉnh Bình Định do Công ty Đóng tàu NT cung cấp: Tài liệu do Công ty NT cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm là bản photo, không phải bản chính hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Công văn đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Bình Định cung cấp bản chính hoặc bản sao kết luận và các tài liệu có liên quan đến Kết luận giám định, tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Bình Định từ chối cung cấp tài liệu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Luật Giám định tư pháp năm 2012. Đồng thời, kết luận giám định liên quan đến vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Bình Đình tiến hành điều tra. Tại phiên tòa Công ty NT cung cấp tài liệu nhưng không có căn cứ thể hiện tài liệu này có mối liên hệ với vụ án kinh doanh thương mại đang giải quyết, tài liệu này không đảm bảo giá trị để xem xét là chứng cứ theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, tại Công văn số 2292/NHNN-TTHSNH ngày 02/4/2019 trả lời về việc nội dung của Hợp đồng bảo lãnh là giao dịch dân sự không thuộc lĩnh vực giám định tư pháp về tiền tệ-ngân hàng. Như vậy, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung này là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[7] Về thẩm quyền ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh của Ngân hàng: Hợp đồng bảo lãnh và Hợp đồng tín dụng thể hiện, đại diện của Ngân hàng ký các Hợp đồng này là ông Nguyễn Hoàng Phương (Giám đốc Ngân hàng TMCP NHN - chi nhánh THNC) là người đại diện theo ủy quyền của Phó Tổng giám đốc

Ngân hàng TMCP NHN (theo Giấy ủy quyền số 347/2009/GUQ.HBB ngày 18/03/2009). Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không có giấy ủy quyền này, đồng thời không có tài liệu thể hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Tổng giám đốc trong việc ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, theo Điều 145 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 142 Bộ luật Dân sự 2015, thì trong trường hợp này, Ngân hàng đã khởi kiện các Hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh mà không có ý kiến gì về việc người không có quyền đại diện hay thực hiện vượt quá phạm vi ủy quyền giao kết hợp đồng nên đã công nhận các hợp đồng này. Các bên cũng không có yêu cầu khác về việc xem xét hiệu lực của Hợp đồng, Công ty điện NT và Công ty NT cũng không có yêu cầu đề nghị đơn phương chấm dứt thực hiện hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự đã xác lập hay yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đề nghị xem xét thẩm quyền ký kết hợp đồng của Ngân hàng. Như vậy, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung này là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng S yêu cầu Công ty Điện NT phải trả số tiền tính đến ngày 24/3/2017, là 26.880.759.728 đồng, trong đó, nợ gốc vay là 9.808.224.016 đồng; nợ lãi trong hạn là 6.830.911.577 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.241.624.135 đồng. S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty điện NT (Bên vay vốn) và Công ty NT (Bên ký Hợp đồng bảo lãnh) phải trả nợ cho S số tiền gốc và lãi nói trên, tuy nhiên, S xét thấy Công ty điện NT và Công ty NT không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc Công ty Điện NT phải trả cho S toàn bộ số nợ gốc là 9.808.224.016 đồng, nếu Công ty điện NT không trả được thì Công ty NT là người bảo lãnh phải trả cho S số nợ trên, ngoài ra, S không còn yêu cầu, đề nghị gì khác. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi của S được thực hiện trong giai đoạn xem xét đơn khởi kiện trước khi Tòa án thụ lý vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

[9] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty NT, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2020/KDTM-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- *Về án phí kinh doanh thương mại:*

[10] Án phí kinh doanh sơ thẩm: Công ty điện NT phải chịu 117.808.224 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009163 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng

[11] Án phí kinh doanh phúc thẩm: Do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 96, Điều 97, Điều 147, Điều148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, 280, khoản 1 Điều 281, 361, 362, 363, 366, 371 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 339 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 63, điểm b, c, e, l khoản 2 Điều 70 Luật Doanh nghiệp 2005; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Buộc Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội số tiền nợ gốc là 9.808.224.016 (Chín tỷ, tám trăm lẻ tám triệu, hai trăm hai mươi tư nghìn, không trăm mười sáu) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trường hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Chấp nhận yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Trong trường hợp Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội thì Công ty TNHH MTV đóng tàu NT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần công nghệ điện NT số tiền theo quy định tại Hợp đồng bảo lãnh số 1009/2009/HBB-NASICO-NAELECH ngày 10/9/2009 nợ gốc là 9.808.224.016 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận trong trường hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí kinh doanh sơ thẩm:

+ Công ty Cổ phần Công nghệ điện NT phải chịu 117.808.224 đồng án phí sơ thẩm.

+ Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009163 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Án phí kinh doanh phúc thẩm: Công ty TNHH MTV đóng tàu NT phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002224 ngày 17/08/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH MTV đóng tàu NT đã đóng đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện TN;
- TAND huyện TN;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà